TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2022/QĐST- HNGĐ	*B, ngày 07 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

Căn cứ vào Điều 212, điều 213; Khoản 4 điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 04/2020/TLST- VDS ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con khi ly hôn". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Lương Tiến T - sinh năm: 1989.

2. Chị Hà Thị Minh N - sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hôn nhân: Anh Lương Tiến T và chị Hà Thị Minh N kết hôn với nhau ngày 21/5/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cũng như việc xây dựng kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình, bạn bè khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện tốt hơn. Đến nay anh Lương Tiến T và chị Hà Thị Minh N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên cùng yêu cầu Toà án giải quyết cho vợ chồng được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh Lương Tiến T và chị Hà Thị Minh N có một con là cháu Lương Minh T - sinh ngày 03/01/2015. Anh, chị thỏa thuận chị Hà Thị Minh N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Minh T đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Lương Tiến T phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lương Minh T là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng cho đến khi cháu Lương Minh T đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản: Anh Lương Tiến T và chị Hà Thị Minh N không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Lương Tiến T và chị Hà Thị Minh N thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí việc dân sự.

Xét việc anh Lương Tiến T và chị Hà Thị Minh N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 . Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lương Tiến T và chị Hà Thị Minh N.

1.2. Về con chung: Chị Hà Thị Minh N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cháu Lương Minh T - sinh ngày 03/01/2015 cho đến khi cháu Lương Minh T đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Lương Tiến T phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lương Minh T là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/tháng cho đến khi cháu T đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Trừ khi có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lương Tiến T và chị Hà Thị Minh N mỗi người chịu 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0002150 ngày 20/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND tỉnh,huyện 02;
- Người yêu cầu;
- T.H.A DS huyện;
- UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái;
- Lưu;

THẨM PHÁN

Ngô Đức Quang